TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST
Ngày: 06/5/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Ông Đặng Minh Lý

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2023/TLST-KDTMngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-KDTM ngày 14/3/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-KDTM ngày 04/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A1, địa chỉ: Nhà số B, đường H, Thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Người đại diện theo ủy quyền là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1998, địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2023).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Số F đường Đ, khu phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Vũ Minh T.

NỘI **DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2023, Công ty TNHH A1 trình bày:* Ngày 08/02/2022, Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là: Công ty S) và Công ty TNHH A1 (sau đây viết tắt là: Công ty A1) đã tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán số 02/2022/HĐMB/MĐ-A2 Cung cấp chăn ra gối khăn. Theo đó, Công ty A1 đồng ý cung cấp chăn ra gối khăn phục vụ hoạt động của Công ty S cho 126 Căn Villa bao

gồm 113 Căn Villa C1 và 13 Căn C2 thuộc Dự án Khu D - Prime Resorts and H mà Công ty S là đơn vị cung ứng của Chủ đầu tư dự án. Tổng giá trị hợp đồng là 7.220.788.999 đồng (Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến kho tại công trường theo chỉ định của Công ty S và Chủ đầu tư, phí lưu kho, nhân công bốc dỡ, các loại thuế phí liên quan đến hàng hóa, bao gồm thuế nhập khẩu, thuế GTGT).

Ngày 22/12/2022, Công ty S và Công ty A1 đã tổ chức nghiệm thu và ký Biên bản nghiệm thu số 02/2022/BBNT/MĐ-AM với nội dung: Xác nhận hàng hóa mới 100%, chất liệu và chất lượng tốt đảm bảo theo đúng yêu cầu được nêu trong hợp đồng, hai bên đồng ý nghiệm thu và bàn giao hàng hóa. Công ty A1 đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 44, ký hiệu: 1C22TAM ngày 22/12/2022 với tổng giá trị là 1.419.788.563 đồng (Đã bao gồm VAT) cho Công ty S.

Ngày 26/12/2022, Công ty S và Công ty A1 đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng số 2012/2022/BBTL/MĐ-AM. Theo Điều 3 của Biên bản thanh lý hợp đồng số 2012/2022/BBTL/MĐ-AM, hai bên nhất trí quyết toán Hợp đồng mua bán số 02/2022/HĐMB/MĐ-AM ngày 08/02/2022 với tổng giá trị quyết toán là 1.419.788.563 đồng đã bao gồm VAT; số tiền còn lại mà Công ty S phải thanh toán là 462.518.690 đồng. Công ty S sẽ thanh toán cho Công ty A1 số tiền còn lại 462.518.690 đồng trong vòng 15 ngày khi hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng và Công ty A1 giao hóa đơn GTGT hợp lệ (tức chậm nhất là ngày 10/01/2023).

Tuy nhiên, đến nay Công ty S vẫn không thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty A1. Công ty A1 đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty S thanh toán công nợ nhưng Công ty S luôn tìm cách đưa ra mọi lý do với mục đích trì hoãn việc thanh toán cho Công ty A1. Việc chậm thanh toán của Công ty S đã vi phạm Hợp đồng mà hai bên đã ký kết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH A1.

Nay Công ty TNHH A1 yêu cầu:

- Buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Công ty TNHH A1 số tiền nợ gốc là 462.518.690 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi chậm trả mà Công ty TNHH S phải thanh toán cho Công ty TNHH A1 tổng cộng là 524.736.958 đồng, trong đó tiền gốc là 462.518.690 đồng, tiền lãi là 62.218.268 đồng

Công ty TNHH S trình bày: Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 06/5/2024 là 524.736.958 đồng, theo hợp đồng mua bán hàng hóa số: 02/2022/HĐMB/MĐ-AM ngày 08/02/2022. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" quy định tại Điều 24 Luật thương mại.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH A1 được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4201837525 và Công ty TNHH S được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 370249950 và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, được quy định tại Khoản 1, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng mua bán hàng hóa nguyên tắc số: Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 02/2022/HĐMB/MĐ-AM ngày 08/02/2022 do Công ty S và Công ty A1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận mua bán hàng hóa không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 24 Luật thương mại. Do đó, hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên.

Theo đó, các bên có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 02/2022/HĐMB/MĐ-AM ngày 08/02/2022 do Công ty A1 cung cấp chăn, ra, gối, khăn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A1 đã giao cho Công ty S tổng số hàng có giá trị là 1.419.788.563 đồng, Công ty S đã thanh toán cho Công ty A1 số tiền là 957.269.873 đồng.

Nay, Công ty A1 căn cứ vào 01 hợp đồng mua bán và biên bản đối chiếu công nợ, yêu cầu Công ty S phải trả ngay số tiền còn nợ (nợ gốc) là 462.518.690 đồng. Xét thấy, do bị đơn Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn Công ty A1 yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền nợ gốc 462.518.690 đồng.

Bị đơn được Tòa án ban hành và tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy triệu tập tham gia phiên

tòa, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm được xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa số tiền gốc 462.518.690 đồng

Tiền lãi chậm thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tạm với mức lãi suất là 10%/năm không vượt quá mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng theo quy định là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, Công ty A1 yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/1/2023 đến ngày 06/5/2024 số tiền lãi là 62.218.268 đồng

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Amain VietNam đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng cộng là 524.736.958 đồng, trong đó tiền gốc là 462.518.690 đồng, tiền lãi là 62.218.268 đồng

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải nộp đối với phần được chấp nhận của nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 254, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A1 đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A1, tổng cộng là 524.736.958 đồng, trong đó tiền gốc là 462.518.690 đồng, tiền lãi là 62.218.268 đồng

Kể từ ngày tuyên án 07/5/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%năm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S phải chịu là 24.989.478 đồng

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Amain Viet NaA1 số tiền 11.810.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2023/0000901 ngày 16/10/2023, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**